

UNIT 1. HOBBIES

PART 1. THEORY

I. VOCABULARY

No.	English	Type	Pronunciation	Vietnamese
1	building dollhouses	phrase	/'bɪldɪŋ 'dɒl,haʊsɪz/	xây nhà búp bê
2	chatting with friends	phrase	/'tʃætɪŋ wɪð frendz/	nói chuyện với bạn bè
3	collect	v	/kə'lekt/	thu thập, sưu tập
4	collecting coins	phrase	/kə'lektɪŋ kɔɪnz/	sưu tầm tiền xu
5	collecting dolls	phrase	/kə'lektɪŋ dɒlz/	sưu tầm búp bê
6	collecting stamps	phrase	/kə'lektɪŋ stæmpz/	sưu tầm tem
7	collecting teddy bears	phrase	/kə'lektɪŋ 'tedi beəz/	sưu tầm gấu bông
8	do judo	phrase	/du: 'dʒu:dəʊ/	tập Ju-đô
9	do yoga	phrase	/du: 'jəʊgə/	tập Y-ô-ga
10	do gymnastics	phrase	/du: dʒɪm'næstɪks/	tập thể dục
11	do sports	phrase	/du: spɔ:ts/	tập thể thao
12	do gardening	phrase	/du: 'gɑ:dnɪŋ/	làm vườn
13	go jogging	phrase	/gəʊ 'dʒɒɡɪŋ/	chạy bộ
14	go swimming	phrase	/gəʊ 'swɪmɪŋ/	đi bơi
15	go camping	phrase	/gəʊ 'kæmpɪŋ/	đi cắm trại
16	go mountain-climbing	phrase	/gəʊ 'maʊntən 'klaɪmɪŋ/	đi leo núi
17	go shopping	phrase	/'gəʊ 'ʃɒpɪŋ /	đi mua sắm
18	go skateboarding	phrase	/gəʊ 'skeɪtbɔ:dnɪŋ/	đi trượt ván
19	hang out	v	/hæŋ aʊt/	đi chơi
20	hang out with friends	phrase	/ hæŋ aʊt wɪð frendz /	đi chơi với bạn bè
21	horse riding	phrase	/hɔ:rs 'raɪdɪŋ/	cưỡi ngựa
22	listening to music	phrase	/'lɪsnɪŋ tə'mju:zɪk/	nghe nhạc
23	making models	phrase	/'meɪkɪŋ 'mɒdlz/	làm mô hình
24	paint	v	/peɪnt/	vẽ
25	playing board games	phrase	/'pleɪɪŋ bɔ:d geɪmz/	chơi những trò chơi dùng đến bảng (chơi cờ,...)

26	playing chess	phrase	/'pleɪɪŋ tʃes/	chơi cờ
27	playing computer games	phrase	/'pleɪɪŋ kəm'pjʊ:tə(r) geɪmz/	chơi trò chơi trên máy tính
28	playing the guitar	phrase	/'pleɪɪŋ ðə ɡɪ'tə(r)/	chơi đàn ghi ta
29	playing the piano	phrase	/'pleɪɪŋ ðə pɪ'ænəʊ/	chơi đàn piano
30	playing the violin	phrase	/'pleɪɪŋ ðə ,vaɪə'lɪn/	chơi đàn violin
31	reading books	phrase	/'ri:diŋ bʊks/	đọc sách
32	taking photos	phrase	/'teɪkɪŋ 'fəʊtəʊz/	chụp ảnh
33	walking the dog	phrase	/'wɔ:kiŋ ðə dɒɡ/	dắt chó đi dạo
34	watching television	phrase	/'wɒtʃɪŋ 'telɪvɪʒn/	xem TV

II. GRAMMAR

1. PRESENT SIMPLE TENSE (Thì hiện tại đơn)

a. Form (cấu trúc)

	Normal verb	Be
(+)	I, you, we, they + V-inf He, she, it + V(s/es)	I + am You, we, they + are He, she, it + is
(-)	I, you, we, they + don't + V-inf He, she, it + doesn't + V-inf	I am not You, we, they + aren't He, she, it + isn't
(?)	Do + I, you, we, they + V-inf? Does + he, she, it + V-inf ?	Am + I...? Are + you, we, they ...? Is + he, she, it...?

Ex: I go to school every day.

Does she go to school every day?

She doesn't work for that company.

b. Usage

- Dùng để chỉ thói quen hàng ngày, hành động lặp đi lặp lại ở hiện tại

Ex: I usually go to bed at 11 p.m.

(Tôi thường đi ngủ vào lúc 11 giờ.)

- Dùng để chỉ một sự việc, một sự thật hiển nhiên.

Ex: The Sun rises in the East and sets in the West.

(Mặt trời mọc ở phía Đông và lặn ở phía Tây.)

- Dùng để chỉ một sự việc sẽ xảy ra trong tương lai theo thời gian biểu hoặc lịch trình.

Ex: The plane takes off at 3 p.m this afternoon.

(Máy bay hạ cánh lúc 3 giờ chiều nay.)

c. Signals

- Cụm từ với "every": every day (mọi ngày), every year (mọi năm), every month (mọi tháng), every afternoon (mọi buổi chiều), every morning (mọi buổi sáng), every evening (mọi buổi tối)...
- Cụm từ chỉ tần suất: once a week (1 lần 1 tuần), twice a week (2 lần một tuần), three times a week (3 lần một tuần), four times a week (4 lần một tuần), five times a week (5 lần một tuần), once a month (1 lần một tháng), once a year (một lần một năm)...
- Trạng từ chỉ tần suất: always, usually, often, sometimes, never, rarely...

d. How to add "s/es" to verbs

- Thông thường ta thêm "s" vào sau các động từ.

work → works

read → reads

- Những động từ tận cùng bằng -s; -sh; -ch; -z; -x; -o: ta thêm "es".

miss → misses

watch → watches

mix → mixes

wash → washes

buzz → buzzes

go → goes

- Những động từ tận cùng là "y":

+ Nếu trước "y" là một nguyên âm (a, e, i, o, u): ta giữ nguyên "y" + "s"

play → plays

buy → buys

pay → pays

+ Nếu trước "y" là một phụ âm - ta đổi "y" thành "i" + "es"

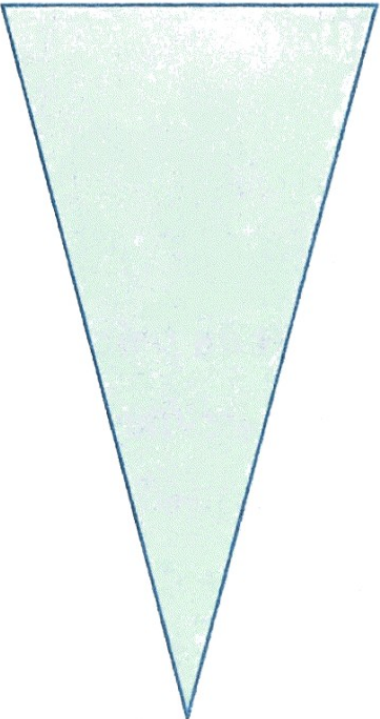
fly → flies

cry → cries

fry → fries

2. VERBS OF LIKING (ĐỘNG TỪ CHỈ SỞ THÍCH)

- Sau các động từ chỉ ý thích, ta thường dùng danh động từ (động từ thêm “-ing”). Dưới đây là các động từ chỉ ý thích được sắp xếp theo thứ tự giảm dần độ thích.

adore	mê, thích	
love	yêu, thích	
like	thích	
enjoy	thích thú	
fancy	mến, thích	
prefer	thích hơn	
don't mind	không ghét lắm	
dislike	không thích	
don't like	không thích	
hate	ghét	
detest	ghét cay ghét đắng	

Ex: She likes drawing. (Cô ấy thích vẽ.)

He likes playing sports at recess. (Cậu ấy thích chơi thể thao vào giờ giải lao.)


They like riding the bikes in the park. (Họ thích đi xe đạp trong công viên.)

iii. PHONETICS

✿ Sound /ə/ and /ɜ:/

1. Cách phát âm âm /ə/ và âm /ɜ:/

a. Cách phát âm âm /ə/

/ə/ là một nguyên âm ngắn rất phổ biến trong tiếng Anh. Để phát âm âm /ə/, ta mở miệng nhẹ và đơn giản. Môi và lưỡi được thư giãn và phát âm /ə/. (Tương tự như âm “ơ” trong tiếng Việt)	
--	---

b. Cách phát âm âm /ɜ:/

/ɜ:/ là một nguyên âm dài. Để phát âm âm /ɜ:/, ta mở miệng tự nhiên, lưỡi cao vừa phải (cao hơn âm /ə/ một chút). Âm /ɜ:/ phát âm dài hơn âm /ə/



2. Listen and repeat these words. * Track 01

/ə/	desert	must	common	injure
	/'dezət/	/məst/	/'kɒmən/	/'ɪndʒə(r)/
/ɜ:/	bird	search	third	heard
	/bɜ:d/	/sɜ:tʃ/	/θɜ:d/	/hɜ:d/

PART 2. LANGUAGE

I. VOCABULARY

Exercise 1. Find the odd one out among A, B, C or D.

- A. cycling B. cooking C. evening D. gardening
- A. play B. swim C. collect D. photo
- A. horse-riding B. challenging C. bird-watching D. mountain-climbing
- A. usual B. write C. walk D. eat
- A. pottery B. enjoy C. flower D. wood

Exercise 2. Complete the phrases with a suitable V-ing.

chatting	hanging out	taking	going	reading
doing	playing	arranging	collecting	listening
1. _____ flowers				
2. _____ with friends				
3. _____ dolls				
4. _____ gymnastics				
5. _____ camping				
				6. _____ with friends
				7. _____ to music
				8. _____ board games
				9. _____ books
				10. _____ photos

Exercise 3. Look at the photos and put the correct words/ phrases under them.

playing the piano	playing board games	going skateboarding
collecting coins	building dollhouses	going jogging
horse riding	walking the dog	

			
1. _____	2. _____	3. _____	4. _____
			
5. _____	6. _____	7. _____	8. _____

Exercise 4. Look at the photos and write the correct words/ phrases under them. The first letter is a hint for you. (All words/ phrases start with V-ing)

			
1. p_____	2. c_____t_____	3. h_____	4. r_____
p_____	b. _____	w_____f_____	b_____
			
5. g_____	6. g_____	7. d_____	8. g_____
s_____	c_____	g_____	s_____

Exercise 5. Fill in each blank with a word/phrase in the box.

gymnastics	bottles	fishing	photos	painting
camping	gardening	the guitar	dolls	horse-riding

--	--	--	--	--

1. I always take a lot of _____ when I go on holidays.
2. A: Can you play _____?
B: No, I can't, but I can play the piano.
3. My brothers hobby is watching _____, he likes horses very much.
4. Her brother likes collecting _____, especially glasses.
5. I like drawing very much. My hobby is _____.
6. My sister likes collecting _____. Now she has more than 100 dolls.
7. Her hobby is _____. She plants many beautiful flower trees in her garden.
8. My father likes _____. He often goes to the lakes or rivers when he has
9. When we have some days off, my close friends and I often go _____.
10. My sister likes doing _____. She looks very fit.

II. GRAMMAR

Exercise 1. Put the verbs in brackets into the Present Simple.

1. I _____ (not visit) my parents very often.
2. _____ (Mai/ go) to school every day? - No, she _____ (go) to school from Monday to Friday.
3. The teachers at our school _____ (give) us lots of homework.
4. My brother _____ (play) tennis, but he (not like) it.
5. How often _____ (they/ go) jogging?
6. We _____ (not study) chemistry because it _____ (be) difficult.
7. _____ (your parents/ watch) TV every night?
8. Mark's class _____ (do) sport on Monday and Wednesday.
9. Children often _____ (use) a computer for school work.
10. Mike _____ (usually/ not play) computer games during the week.

Exercise 2. Complete the sentence with the words in the box. Remember to put it in the present simple.

open	take	wake up	drink	play
speak	do	cause	live	close

1. Ann handball very well.
2. I never coffee.

3. The swimming pool at 7:00 in the morning.
4. My cloth shop at 9:00 in the evening.
5. Bad driving many accidents.
6. My parents in a very small flat.
7. The Olympic Games place every four years.
8. They are good students. They always their homework.
9. My students a little English.
10. I always early in the morning.

Exercise 3. Underline the mistake in the following sentences and correct it.

Sentences	Your answers
1. What does they wear at their school?	_____
2. Do he go to the library every week?	_____
3. Windy always watch TV at 9 p.m before going to bed at 10 p.m.	_____
4. Sometimes, we goes swimming together with her family.	_____
5. How does Linda carries such a heavy bag?	_____

Exercise 4. Write complete sentences basing on the given words.

1. Minh/ not/usually/ sleep/early/at weekends.

_____.

2. You/ understand / questions from/ teacher?

_____.

3. Her husband/ his colleague/ play/ tennis/ whenever/ they/ free.

_____.

4. My family/ normally/ eat/ breakfast/ 6.30.

_____.

5. James/ not/ phone/ mother/ Monday.

_____.

Exercise 5. Put the verbs in brackets in the correct form.

1. (You/ think) _____ collecting stamps costs much money?
2. My father thinks mountain climbing (be) _____ more dangerous than skating.

3. Every year, my mother (give) _____ me a nice doll on my birthday.
4. My brother (not like) _____ collecting stamps, he likes collecting glass bottles.
5. My sister likes (cook) _____ very much. She can cook many good foods.
6. Does your brother like (listen) _____ to music in his free time?
7. I think in the future, more people (enjoy) _____ going out by bicycles.
8. My father says when he's retired, he (go) _____ back to his village to do the gardening.
9. We are planting trees around our school now. Our school (be) _____ surrounded by a lot of green trees.
10. Lan says she loves collecting pens but she (not/continue) _____ this hobby from next year.

Exercise 6. Complete the sentences, using the "-ing" form of the verbs in the box.

watch	play	fly	cook	wait
make	tidy	go	read	take

1. Do you fancy _____ out tomorrow?
2. I like _____ tennis on Sunday.
3. Phong enjoys _____ photos of himself and his friends.
4. Ann's father doesn't like _____ tennis on TV.
5. My mother hates _____, so we eat out every often.
6. Do you like _____ pottery?
7. He dislikes _____ his room every day.
8. My children love _____ adventure books.
9. I can't stand _____ for buses in the rain.
10. We detest _____, so we usually travel by train or coach.

III. PHONETICS

Divide the words into two columns. * TRACK 2

word	burst	courtesy	open	worse
apartment	search	capacity	work	freedom
herd	sofa	famous	bird	compare
pardon	early	burden	surgeon	burden
balance	suggest	circuit	national	answer

w <u>e</u> re	cu <u>r</u> tain	sil <u>e</u> nt	co <u>n</u> tinue	hand <u>s</u> ome	
/ɜ:/			/ə/		

PART 3. COMMUNICATION SKILLS

I. LISTENING

□ Listen and do the tasks followed. ✱ Track 03

Exercise 1. Listen and complete the sentences.

- _____ likes going bowling.
- _____ like going to the cinema.
- _____ does not like playing table tennis.
- _____ likes watching football.
- _____ likes playing table tennis.

Exercise 2. Listen again and decide if each statement is True (T) or False (F).

- Sarah and her friends have completed deciding what they want to do at the weekend. _____
- Sarah doesn't like soccer. _____
- Sarah's friends like going to see a movie. _____
- No one likes playing bowling. _____
- Lizzie likes playing table tennis this weekend. _____

II. SPEAKING

Exercise 1. Read the conversation and answer the questions.

Huyen: What's your favorite hobby, Linh?

Linh: Well, it's drawing.

Huyen: How many paintings do you draw?

Linh: Er... I don't remember. It's around 100.

Huyen: Is your painting on the wall?

Linh: Yes, it is. It's one of my favorite ones.

Huyen: How nice it is! I love the colors in your picture.

Linh: Thanks. And what's your hobby, Huyen?

Huyen: Er,... I can't draw. But my hobby is collecting pictures and paintings.

Linh: Really? I will give you one.

Huyen: Thank you.

Questions:

1. Does Linh like drawing?

_____.

2. How many paintings does she draw?

_____.

3. Are there any paintings on the wall?

_____.

4. What is the painting like?

_____.

5. What's Huyen's hobby?

_____.

Exercise 2. Write questions for the underlined parts.

1. A: _____.

B: My hobby is swimming.

2. A: _____.

B: I started my hobby two years ago.

3. A: _____.

B: I enjoy my hobby because I think it's healthy.

4. A: _____.

B: I spend three hours a day on my hobby.

5. A: _____.

B: James usually plays football in his free time.

6. A: _____.

B: He plays volleyball twice a week.

7. A: _____.

B: He often plays football at the stadium.

8. A: _____.

B: He likes to play football with his friends.

III. READING

Exercise 1. Complete the passage with a suitable word from the box.

reads	collecting	likes	enjoys	listening
cooks	have	cycling	gets	goes

My family has six people. We (1) _____ different hobbies. My grandfather (2) _____ reading newspapers. He (3) _____ newspapers every morning after breakfast. My grandmother doesn't like reading them. She (4) _____ to the market near my house every morning. She buys a lot of food. She (5) _____ very well. Oh, I love all her food. My father likes (6) _____. He (7) _____ up early and cycles around the West Lake all the year round. My mother doesn't like this sport. She (8) _____ walking. She walks about four or five kilometers every morning. My brother doesn't like any sports. He likes (9) _____ to music and playing drums. He is a member of the Green Band. It is a well-known band in my country.

I don't like reading, cooking or playing sports. I love (10) _____ things, such as stamps and coins.

Exercise 2. Read and decide T (true) or F (false) for each statement.

Our life would be hard without rest and recreation. And people have many different ideas of how to spend their free time. If you enjoy doing a thing or activity in your free time, then you have a hobby. A hobby is an activity, interest, enthusiasm, or pastime that is undertaken for pleasure or relaxation, done during one's own time. A person's hobbies depend on his age, character and personal interests. An interesting thing to one person can be boring to another. That's why some people prefer reading, cooking, knitting, collecting, playing a musical instrument, photography or playing computer games while others prefer dancing, travelling, camping or sports.

No.	Statements	True (T) or False (F)
1.	A hobby is anything that you enjoy doing in your free time.	_____
2.	Different people have the same hobbies.	_____
3.	A hobby can provide us with relaxation.	_____

4.	Your hobby may be changed as you get older.	_____
5.	One person's hobby maybe a boring thing to another person.	_____
6.	Playing sports is not a hobby.	_____

IV. WRITING

List five activities that you like and five activities that you don't like, state the reason while you like/ don't like. The answer may vary.

No.	Things you like	Reason
1.	_____	_____
2.	_____	_____
3.	_____	_____
4.	_____	_____
5.	_____	_____
No.	Things you dislike	Reason
1.	_____	_____
2.	_____	_____
3.	_____	_____
4.	_____	_____
5.	_____	_____